
Bản án số: 44/2017/DSST

Ngày 20/11/2017.

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đinh Khắc Việt**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Ni** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2017/TLST- DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-DS ngày 19/9/2017; quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐST-DS ngày 29/9/2017; quyết định tạm ngưng phiên tòa số 05/2017/QĐST-DS ngày 19/10/2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim T** – sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: số 125, tổ 04, khu phố B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Chị **Lư Thị Phước N** – sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- anh **Tô Văn Thanh D** – sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, lời trình bày tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:** Nguyên vào ngày 27/8/2016 DL chị N có vay của bà T số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), lãi suất 20.000đ/ngày/4.000.000đ, chị N đã đóng lời cho bà T được 2 tháng. Đến ngày 05/9/2016 chị N vay của bà T thêm số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để đóng hụi, tháng sau chị N hốt hụi trả tiền cho bà T để bà T sửa nhà,

vì không có tiền mặt nên chị N bảo bà T cho chị N vay 05 chỉ vàng 24k 9999. Bà T và chị N đến tiệm vàng Nguyễn Long tại thị trấn T H cầm vàng với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), khi cầm vàng thì bà T để chị N đứng tên và chị N giữ giấy tờ cầm vàng luôn, lãi suất 30.000đ/ngày/10.000.000đ (Mười triệu đồng),

Ngày 13/11/2016, bà T có đến nhà chị N đòi tiền và kêu chị N đưa giấy cầm vàng ra để đi chuộc vàng cho bà T, chị N nói chưa hết hạn, bà T kêu chị N lấy giấy cầm vàng cho bà T xem, thì bà T mới biết chị N có đi cầm thêm số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bà T có la chị N, thì chị N năn nỉ bà T cho chị N thêm 1 tháng nữa sẽ trả, bà T nghĩ vì tình làng nghĩa xóm nên đồng ý, nhưng đến hạn chị N vẫn không trả cho bà T. Kể từ ngày 05/10/2016 DL chị N không đóng tiền lời cho bà T, đến ngày 06 tết năm 2017 bà T có kêu chị N lại nhà bà T làm biên nhận chị N có mượn bà T 05 chỉ vàng 24k 9999 và 4.000.000đ, chưa tính tiền lãi, nhưng chị N không chịu làm biên nhận mà còn thách bà T đi thưa, và nói mỗi ngày trả cho bà T 10.000đ – 20.000đ.

Nay tại Tòa án bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu buộc vợ chồng chị Lư Thị Phước N và anh Tô Văn Thanh D phải trả cho bà T một lần số vàng là 05 chỉ vàng 24k 9999 và số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn chị Lư Thị Phước N trình bày:** Chồng chị N tên là Tô Văn Thanh D – sinh năm 1984, trú cùng địa chỉ với chị N. Chị N xác nhận vào ngày 27/8/2016 DL chị N có hỏi vay của bà T số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Sau đó chị N có hỏi mượn tiền của bà T, rồi chị N chở bà T ra tiệm vàng Nguyễn Long cầm chiếc vòng 05 chỉ vàng 24k 9999 của bà T, lúc đầu chị N cầm 10.000.000đ, sau đó chị đi cầm thêm 5.000.000đ, tổng cộng là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Nay tại Tòa án chị Lư Thị Phước N đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số vàng là 05 chỉ vàng 24k 9999, và số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) nhưng xin được trả dần mỗi tháng trả 1.000.000đ (Một triệu đồng), cho đến khi hết số nợ nói trên. Còn nếu bà T không cho chị N trả dần thì chị N không đồng ý trả số vàng là 05 chỉ vàng 24k 9999, mà chỉ trả số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền cầm vàng và số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), tổng cộng là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Chị N cho rằng nợ này là nợ riêng của chị N, không liên quan đến chồng chị N là anh D và chồng chị N cũng không biết gì, chị N sẽ có trách nhiệm trả số nợ trên cho bà T.

*** Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** anh Tô Văn Thanh D đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên anh D không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Lư Thị Phước N với tư cách là bị đơn. Anh Tô Văn Thanh D với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay chị N và anh D vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự “Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”. Xét thấy chị N và anh D đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ theo khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự; nhưng chị N và anh D vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh D là phù hợp với pháp luật.

[2] Quan hệ pháp luật xảy ra tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim T và vợ chồng chị Lư Thị Phước N anh Tô Văn Thanh D là quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”. Còn thời hiệu khởi kiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy rằng chị N thừa nhận có vay của bà T số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và có vay vàng sau đó cùng với bà T ra tiệm vàng Nguyễn Long để cầm chiếc vòng 05 chỉ vàng 24k 9999 của bà T với số tiền tổng cộng hai lần cầm là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu vợ chồng chị Lư Thị Phước N anh Tô Văn Thanh D trả cho bà T một lần số vàng là 05 chỉ vàng 24k 9999 và số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với pháp luật.

[5] Xét lời khai nại của chị N, chị N xác nhận có vay của bà T số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), và chị N có vay vàng sau đó cùng bà T ra tiệm vàng Nguyễn Long để cầm chiếc vòng 05 chỉ vàng 24k 9999 của bà T với số tiền tổng cộng hai lần cầm là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) vào ngày 05/10/2016 và chị N cho rằng chị sẽ thanh toán và xin trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000đ (Một triệu đồng), cho đến khi hết số nợ nói trên. Còn nếu bà T không cho chị N trả dần thì chị N không đồng ý trả số vàng là 05 chỉ vàng 24k 9999, mà chỉ trả số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền cầm vàng và số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), tổng cộng là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Chị N cho rằng nợ này là nợ riêng của chị N, không liên quan đến chồng chị N và chồng chị N cũng không biết gì, chị N sẽ có trách nhiệm trả số nợ trên cho bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng; việc xin trả dần và kéo dài thêm thời gian trả nợ của chị N không được bà T đồng ý; mặt khác bà T yêu cầu phải trả cho bà T một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Nên yêu cầu của chị N xin được trả dần cho bà T số tiền và vàng trên là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ đến nay chị N vẫn chưa trả tiền cho bà T dẫn đến ảnh hưởng tới quyền

lợi chính đáng của bà T. Nghĩ nên buộc chị N phải trả đủ cho bà T số vàng là 05 (Năm) chỉ vàng 24k 9999 và số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử thấy tại biên bản hòa giải chị N thừa nhận chị và anh D là vợ chồng với nhau. Theo quy định tại Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Trách nhiệm liên đới của vợ chồng “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Chị N cho rằng chị sử dụng số tiền và vàng vay của chị T về dùng để chi tiêu nhu cầu sinh hoạt trong gia đình. Do đó, cần phải buộc anh Tô Văn Thanh D phải có trách nhiệm cùng với chị N trả số vàng là 05 (Năm) chỉ vàng 24k 9999 và số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) cho bà T là phù hợp với pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên HĐXX thấy rằng bà T yêu cầu vợ chồng chị N, anh D phải trả cho bà T số vàng là 05 chỉ vàng 24k 9999 và số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi, là phù hợp với pháp luật và có cơ sở chấp nhận.

[8] **Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Giá trị tài sản tranh chấp là: [4.000.000đ (Bốn triệu đồng) + (05 chỉ vàng 24k 9999 x 3.500.000đ/01 chỉ)]. Án phí tính như sau: 5% giá trị tài sản có tranh chấp = 1.075.000đ (Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc vợ chồng chị Lư Thị Phước N, anh Tô Văn Thanh D phải nộp 1.075.000đ (Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại số tiền tạm ứng án phí là 512.000đ (Năm trăm mười hai nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp theo lai thu số 0007502 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 471, 474 BLDS năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Buộc vợ chồng chị Lư Thị Phước N, anh Tô Văn Thanh D phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số vàng là 05 (Năm) chỉ vàng 24k 9999 và số tiền là 4.000.000đ (Bốn

triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc vợ chồng chị Lư Thị Phước N, anh Tô Văn Thanh D phải nộp 1.075.000đ (Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại số tiền tạm ứng án phí là 512.000đ (Năm trăm mười hai nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp theo lai thu số 0007502 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với chị Lư Thị Phước N và anh Tô Văn Thanh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THA huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha